TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/ HNGĐ-PT
Ngày: 13/11/2018
V/v: "*Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Hà Thảo Quyên.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thùy Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13/11/2018, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15/10/2018 về việc: "*Ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình số 193/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐ-PT, ngày 22/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Việt H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: thị trấn M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Đức K, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông K kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Nai, có tổ chức cưới hỏi. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2013 phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo gia đình, khi đi nhậu về ông K còn chửi mắng, dùng những lời lẽ thô tục xỉ nhục và còn có hành vi bạo lực đối với bà. Vì không muốn đổ vỡ, bà và ông K

đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nữa. Bà và ông K đã sống ly thân từ tháng 3/2017 cho đến nay. Xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông K để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 03/2/2010. Hiện nay, các cháu Đ và cháu G hiện đang sinh sống cùng ông K tại địa chỉ: 232, tổ 17, KP.3, P.L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Ly hôn bà đồng ý giao hai cháu cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời bà đồng ý cấp dưỡng nuôi hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Đức K trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: ông K và bà H kết hôn với nhau vào năm 2004. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nay, xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, bà H làm đơn xin ly hôn, ông K đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 03/2/2010. Ly hôn, ông đồng ý nuôi hai cháu và yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi hai cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 193/2018/HNGĐ-ST ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ Điều 227, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Việt H được ly hôn ông Phạm Đức K.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 03/2/2010. Giao cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 03/2/2010 cho ông K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời bà H cấp dưỡng nuôi hai cháu 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu trưởng thành có khả năng lao động.

Vì không trực tiếp chăm sóc con nên bà H được quyền tự do thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí số 006327 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Biên Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định kháng nghị số 268/QĐ/KNPT-P9. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng nghị: Về áp dụng pháp luật, bà Lê Thị Việt H và ông Phạm Đức K đăng ký kết hôn năm 2004, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) là thiếu. Về án phí, cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng mà không buộc bà H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gây thất thu cho ngân sách nhà nước. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai trong hạn luật định, đã được gửi cho các đương sự và Tòa án đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị:

Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm cho bà H và ông K ly hôn, giao hai cháu Phạm Hồng Đ và Phạm Gia G cho ông K trực tiếp nuôi và buộc bà H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng nhưng chỉ buộc bà H chịu án phí ly hôn 300.000 đồng mà không buộc bà H chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là không đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Về áp dụng pháp luật: Bà Lê Thị Việt H và ông Phạm Đức K đăng ký kết hôn năm 2004, Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (Luật tại thời điểm hôn nhân được xác lập) để giải quyết mà lại áp dụng các quy định khác của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đúng.

Do vậy, cần cấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, sửa bản án sơ thẩm về áp dụng pháp luật và án phí. Cụ thể: Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Buộc bà H chịu án phí ly hôn 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, tổng cộng là 600.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

[4] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Việt H: Bà Lê Thị Việt H được ly hôn ông Phạm Đức K.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 10/4/2005 và cháu Phạm Gia G, sinh ngày 03/2/2010 cho ông Phạm Đức K trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Việt H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Bà Lê Thị Việt H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Khi cần thiết, bà Lê Thị Việt H và ông Phạm Đức K được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Việt H phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 006327 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà Lê Thị Việt H còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- Đương sự ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Bá Nhu